

Số: 259 /2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Đặng Đình N, sinh năm 1996; CCCD số: 048096000537, cấp ngày 21/4/2021; Hộ khẩu thường trú: Tổ H, phường N, thành phố Đà Nẵng;
- Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1998; CCCD số: 048198002492, cấp ngày 14/02/2022; Hộ khẩu thường trú: Tổ D, phường T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Đình N và bà Nguyễn Thị Mỹ D tự nguyện đăng ký kết hôn từ năm 2016 tại UBND phường K, quận N (nay phường N) Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, mặc dù cả hai cố gắng hàn gắn nhưng không tìm được tiếng nói chung, hiện đã ly thân từ cuối năm 2025 cho đến nay. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về con chung: Ông bà xác định định có 02 con chung là Đặng Nhật L, sinh ngày 02/10/2016 và Đặng Nhật H, sinh ngày 07/3/2019. Ly hôn, thỏa thuận ông N trực tiếp nuôi dưỡng con Đặng Nhật L và bà D trực tiếp nuôi dưỡng con Đặng Nhật H, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật tại Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thỏa thuận này của ông bà.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

* Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Đặng Đình N và bà Nguyễn Thị Mỹ D mỗi người phải chịu 150.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0002675 ngày 20/03/2026 tại Thị hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Đình N và bà Nguyễn Thị Mỹ D thuận tình ly hôn.

- Về con chung thoả thuận: Ông Đặng Đình N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Nhật L, sinh ngày 02/10/2016 và bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi cháu Đặng Nhật H, sinh ngày 07/3/2019 cho đến khi con đủ 18 tuổi không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông Đặng Đình N và bà Nguyễn Thị Mỹ D mỗi người phải chịu 150.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0002675 ngày 20/03/2026 tại Thị hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đà Nẵng;
- UBND UBND phường Ngũ Hành Sơn
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thị Anh